

# Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả khoá học online bồi dưỡng sinh viên sư phạm về “Dạy học kết hợp”

Nguyễn Huyền Anh<sup>1</sup>, Lê Thị Ngọc Diệp<sup>2</sup>,  
Lê Minh Hằng<sup>3</sup>, Hoàng Diệu Quỳnh<sup>4</sup>,  
Nguyễn Văn Biên<sup>5</sup>, Lê Thị Phượng<sup>\*6</sup>

<sup>1</sup> Email: huyenanhnguyen138201@gmail.com

<sup>2</sup> Email: diepdiepxn@gmail.com

<sup>3</sup> Email: selenale201@gmail.com

<sup>4</sup> Email: hdq0806@gmail.com

<sup>5</sup> Email: biennv@hnue.edu.vn

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  
136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ

<sup>6</sup> Email: lethiphuong@vnu.edu.vn

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** *Dạy học kết hợp đang ngày càng được chú trọng, quan tâm và phát triển trong các tổ chức giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học trước sự ảnh hưởng của COVID-19. Dạy học kết hợp bao gồm các buổi học trực tuyến và trực tiếp. Trong đó, các bài giảng trực tuyến cần được lập kế hoạch và chuẩn bị đầy đủ hơn so với các buổi học trực tiếp, từ xây dựng câu hỏi, cấu trúc bài giảng đến xem xét khả năng tương tác tới người học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi phát triển một khóa tự học kết hợp nhằm: 1/ Xem xét nhu cầu tự học của học sinh/sinh viên; 2/ Đánh giá những khó khăn và thuận lợi trong công tác xây dựng và triển khai khóa bồi dưỡng trong thực tế; 3/ Đánh giá sự hài lòng của người dùng với khóa học kết hợp. Tổng cộng 73 học viên cao học và sinh viên sư phạm đã tham gia khóa học trong 4 tuần. Theo đó, dữ liệu định tính và định lượng đã được thu thập để đánh giá chất lượng khóa học và sự hài lòng của học viên cho thấy tính khả thi trong việc thực hiện mô hình học tập kết hợp với: 1/ Sự hài lòng của người dùng ở mức tương đối cao; 2/ Nội dung có lượng tương tác cao; 3/ Chất lượng kiến thức thể hiện qua kết quả kiểm tra ở mức khá.*

**TỪ KHÓA:** *Dạy học kết hợp, học trực tuyến, học trực tiếp, giảng dạy hiệu quả.*

→ Nhận bài 28/4/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 09/5/2022 → Duyệt đăng 15/6/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210601>

## 1. Đặt vấn đề

Học tập kết hợp đang là một xu hướng phát triển ngày càng nhanh chóng trên thế giới đối với tất cả các tổ chức giáo dục [1], đặc biệt trong thời đại công nghệ phát triển ngày càng nhanh chóng [2] và nhu cầu học tập được đẩy cao ở mọi lúc mọi nơi [3]. Kết quả nghiên cứu của A. G. Picciano, Seaman, Shea, & Swan (2012) [4] cho thấy xu hướng học trực tuyến tại Mỹ đã gia tăng nhanh chóng kể từ năm 1992 khi công nghệ học trực tiếp phát triển tạo ra sự chú ý và quan tâm lớn của học viên. Allen & Seaman (2013) [5] khảo sát thấy rằng, 70% các nhà lãnh đạo trong các tổ chức học thuật lớn tin tưởng vào học tập trực tuyến sẽ định hình lại xu hướng giáo dục trong tương lai. Tác giả bổ sung thêm rằng, 77% phản hồi từ kết quả học tập kết hợp đem lại sự phát triển đáng kể của người học. Các chương trình học trực tuyến và học kết hợp cũng ngày càng gia tăng với khoảng 6,7 triệu người đăng kí theo báo cáo của tác giả. Hơn thế, học tập kết hợp tạo ra thêm không gian và thời gian để tìm hiểu và học tập có hệ thống các kiến thức trong thế kỉ XXI [6].

Đến nay, đã có nhiều nỗ lực để xác định thế nào là dạy học kết hợp [7], [8]. Theo đó, nội dung trọng tâm được thảo luận của dạy học kết hợp là những khía cạnh nào cần được kết hợp trong một khóa học. Một định nghĩa

được sử dụng rộng rãi, theo Graham (2009) [9], dạy học kết hợp là sự kết hợp của: 1/ Hình thức hướng dẫn/giảng dạy trực tiếp và trực tuyến; 2/ Nội dung giảng dạy kết hợp các phương pháp (Ví dụ: trực quan bằng dụng cụ và phương pháp truyền thống); 3/ Cách thức tương tác trực tiếp với các phương tiện truyền thông. Dẫu vậy, dạy học kết hợp được sử dụng rộng rãi trong cả các thảo luận học thuật lẫn thực nghiệm và sự kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp và trực tuyến [1]. Theo đó, cách tiếp cận này có nhiều ưu điểm không chỉ liên quan đến các hoạt động thực tiễn (dễ định nghĩa và quản lí) mà còn nhấn mạnh đến vai trò của sự phát triển công nghệ máy tính trong quá trình học tập kết hợp đối với các nhà phân tích [9].

Các thảo luận sâu hơn liên quan đến cách tiếp cận này là thời gian tiếp xúc trực tiếp và tương tác trực tuyến. Picciano (2009) [10] khẳng định về dạy học kết hợp là phải đảm bảo được một lượng thời gian tham gia đủ lớn, sử dụng và học trên nền tảng trực tuyến thay vì chỉ mang tính hình thức. Tỷ lệ thời gian học tập trực tuyến so với trực tiếp còn nhiều tranh cãi, dẫu vậy, một quy tắc bất thành văn là tỉ lệ trực tuyến của việc dạy học kết hợp nên từ 30-70%, tùy thuộc vào môn học, trình độ của học sinh và kĩ năng của giáo viên. Trong đó, hiệu quả học tập được đặt làm trọng tâm trong mô hình học

tập kết hợp.

Một số phân tích tổng hợp đã được thực hiện nhằm xác định hiệu quả của các mô hình học tập kết hợp mà chỉ dựa trên hướng dẫn trên web và hướng dẫn hoàn toàn trực tuyến. Sitzmann, Kraiger, Stewart, & Wisner (2006) [11] khẳng định hiệu quả học tập kết hợp mang lại hiệu quả cao với chất lượng của các bài kiểm tra và sự ghi nhớ kiến thức, thậm chí tối ưu hơn so với một số môn học trực tiếp. Đồng ý với quan điểm này, Means, Toyama, Murphy, Bakia, & Jones (2009) [12] khẳng định tầm quan trọng và xu hướng phát triển mở rộng dạy học kết hợp tại Mỹ. Hattie (2008) [13] thực hiện nghiên cứu tổng hợp với hơn 800 công trình nghiên cứu đã khẳng định điều khiến cho dạy học kết hợp đến từ sự hài hòa trong việc dạy và học của cả giảng viên và học viên. Cụ thể, công nghệ và học trực tuyến cho phép mở rộng khả năng tương tác và chủ động hơn trong việc học của học viên, qua đó cải thiện năng lực học tập của họ. Ngược lại, sự không hài hòa trong dạy và học kết hợp có thể khiến cho học viên chịu nhiều áp lực và chán nản trong quá trình học tập, hệ quả là làm suy giảm kết quả học tập. Moskal & cộng sự (2013) [7] cũng khẳng định khả năng có thể tác hại đến sự hứng thú và kết quả học tập của người học trong dạy học kết hợp. Dẫu vậy, nhìn chung các nghiên cứu đồng ý về sự phù hợp của chương trình dạy học kết hợp và tiềm năng phát triển của chúng trong tương lai, đặc biệt nếu yếu tố hài lòng của người học được đảm bảo.

Sự hài lòng của người học là một trong những cấu phần cốt lõi quyết định đến sự thành công của dạy học kết hợp. Sự hài lòng của người học là phức tạp vì chúng chịu sự ảnh hưởng bởi kì vọng, mục tiêu và sở thích của người học cũng như cách thiết kế và triển khai thực hiện từng khóa học cụ thể [1]. Graham (2018) [14] tìm thấy mối tương quan giữa sự tương tác của người học và sự hài lòng trong các khóa học kết hợp. Theo đó, chìa khóa thành công trong nâng cao sự hài lòng khóa học kết hợp là nâng cao khả năng tương tác với người học. Gikandi, Morrow, & Davis (2011) [15] bổ sung rằng, học sinh/sinh viên có sự hài lòng cao hơn nếu các khóa học được thiết kế gắn liền với sự hiện diện của giảng viên trong lớp học, khả năng tương tác và các kinh nghiệm của họ trong dạy học kết hợp trước đó. Cụ thể, người đã từng tham gia dạy học kết hợp thể hiện sự hài lòng cao hơn. Hơn thế, sự hài hòa trong cộng đồng và nuôi dưỡng ý thức tự học của người tham gia cải thiện đáng kể sự hài lòng về khóa học kết hợp [16], [17]. Graham (2013) [1] cũng lưu ý thêm rằng việc phân tích chi tiết các lợi ích của các khóa học kết hợp (như tính linh hoạt, thuận tiện và giảm chi phí cơ hội liên quan đến học tập trực tuyến) có thể nâng cao nhận thức về quá trình học của người tham gia, qua đó, nâng cao sự hài lòng về chương trình học kết hợp.

Như vậy, hiểu một cách phổ quát, dạy học kết hợp là

sự kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến. Cả hai môi trường học tập đều có những đặc điểm độc đáo. Ví dụ, tính năng giảng dạy của môi trường học tập trực tiếp là nó cung cấp sự tương tác xã hội nhanh chóng và hiệu quả giữa sinh viên, người hướng dẫn và các sinh viên khác. Điều này thúc đẩy giao tiếp đồng bộ, hiệu quả, qua đó tạo động lực học tập, sự tham gia, và tập trung cao độ của người tham gia cho phép họ có thể kiểm tra kiến thức nhanh chóng [18]. Trong khi đó, học trực tuyến cung cấp tài liệu khóa học và bài giảng một cách thuận tiện, bất kể mọi thời điểm và không gian, cho phép người tham gia học tập chủ động. Nói cách khác, môi trường học tập trực tuyến cung cấp sự linh hoạt cho học sinh/sinh viên, đồng thời đảm bảo sự đồng bộ trong chất lượng của môi trường này, hoặc tính nhất quán trong nội dung khóa học. Thêm một điểm quan trọng khác là tính cá nhân hóa trong học tập trực tuyến. Cá nhân hóa là một tính năng độc đáo khác của môi trường học tập trực tuyến. Trong môi trường này, sinh viên có thể hoàn thành các hoạt động học tập theo tốc độ của riêng mình, trong khi với môi trường trực tiếp, mọi sinh viên đều lắng nghe và học hỏi những điều tương tự từ giảng viên, do đó có thể đảm bảo được sự cạnh tranh bình đẳng hơn giữa các học viên [1].

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp tiếp cận

Mục đích chính của nghiên cứu này là xem xét quan điểm, sự hài lòng và khả năng tiếp thu của người học về dạy học kết hợp. Cụ thể, với việc xây dựng và phát triển một khóa tự học về dạy học kết hợp, chúng tôi xây dựng khóa học online về dạy học kết hợp, sau đó cho phép sinh viên sư phạm, học viên sau đại học, giáo viên tham gia khóa học hoàn toàn dưới hình thức online. Website được sử dụng trong nghiên cứu <https://qndhkh.edu.vn/login/index.php>. Đây là một trang web được phát triển từ LMS của moodle. Thông tin phản hồi về quá trình tham gia khóa học được hệ thống tự động thu thập.

Nghiên cứu quan tâm đến ba yếu tố chính: Một là, sự tham gia của học viên thông qua số lượng, tần suất, thời lượng xem các khóa học và bài giảng cụ thể. Hai là, mức độ tương tác và của học viên thông qua các kênh góp ý và phản hồi trực tiếp trong các lớp học trực tiếp. Ba là, khả năng tiếp thu của học viên trong các khóa học được cung cấp. Để khảo sát được điều này, nghiên cứu cung cấp các bài trả lời câu hỏi để kiểm tra mức độ hiểu bài của học viên sau mỗi bài giảng.

Nội dung khóa học về Dạy học kết hợp được bắt đầu từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022. Khóa học được tổng hợp từ sách tham khảo, 20 bài báo và 2 khóa học quốc tế về dạy học kết hợp mà nhóm tác giả đã tham dự. Chúng tôi cố gắng tổng hợp những quan điểm, nội dung mang ý nghĩa, có hiệu quả nhất để đem đến

khoá học kết hợp khả thi. Theo đó, nội dung được sắp xếp và trình bày dưới các video ngắn phù hợp với tiêu chuẩn của các nghiên cứu có uy tín [9], [14]. Các bảng câu hỏi để lấy thông tin phản hồi được thiết lập với độ dài phù hợp với thời lượng video đi kèm với mô tả chi tiết khóa học. Khóa học bao gồm các nội dung chính sau:

*Nội dung 1:* Các kiến thức liên quan đến lý thuyết dạy học kết hợp và đăng tải công khai, mục đích là cung cấp cho học viên góc nhìn về: 1/ Mục đích khoá học; 2/ Động cơ của dự án nghiên cứu.

*Nội dung 2:* Giới thiệu các hoạt động giúp hình thành các năng lực số cho học viên khi tham gia khoá học kết hợp. Các nội dung cũng được đăng tải công khai dưới dạng các video ngắn, qua đó gia tăng mức độ hài lòng của học viên.

*Nội dung 3:* Giới thiệu quy trình thiết kế khoá học kết hợp phù hợp với nhu cầu học sinh, yêu cầu nhà trường và lựa chọn mô hình phù hợp với bối cảnh tại Hà Nội.

*Nội dung 4:* Các bài tổng kết, đánh giá phản hồi.

Để thử nghiệm khoá học, chúng tôi thực hiện khảo sát chuyên sâu về nhu cầu của khoảng 20 học viên tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nhằm đánh giá được nhu cầu học và cách thức tương tác với các khóa học trực tuyến trong mùa dịch COVID-19. Qua đó, các nội dung được điều chỉnh cho phù hợp hơn với cách học kết hợp có đóng góp hơn 70% của học trực tuyến.

Sau khi hoàn thiện khoá học, chúng tôi thực hiện nghiên cứu chính thức. Kết quả nghiên cứu được tổng hợp từ ý kiến phản hồi của 73 học viên bao gồm học viên cao học và sinh viên sư phạm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Dữ liệu được thu thập từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2022.

## 2.2. Kết quả nghiên cứu

Theo khung phân tích bởi Graham [9], [1], [14], chúng tôi xem xét ba khía cạnh quyết định tới sự thành công của một chương trình dạy học kết hợp là: 1/ Sự tham gia của học viên; 2/ Khả năng tiếp thu kiến thức; 3/ Mức độ hài lòng của học viên. Các phát hiện này cho phép nghiên cứu đưa ra các hàm ý chính sách thực nghiệm trong việc triển khai các ý tưởng dạy học kết hợp trong giai đoạn tới.

### 2.2.1. Yếu tố thứ nhất: Sự tham gia của học viên tới khóa học kết hợp

Chúng tôi xem xét lượt tương tác một khóa học đã được cập nhật chi tiết kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đến ngày 15 tháng 4 năm 2022 và ghi nhận được kết quả như Bảng 1. Theo đó, khóa học được chia làm 4 phần với số lượt xem trung bình 271 lượt/bài tương ứng với trung bình 19 học viên tham gia bình quân mỗi bài giảng và thời gian trung bình là 2.45 giờ. Các thông

số này có một số điểm đáng chú ý. *Một là*, so với số lượng học viên/giảng viên/sinh viên được mời tham gia là 73 thì tỉ lệ tối đa tham gia vào một bài giảng chiếm 34.25% (25 học viên). Điều này hàm ý về sự chưa thành công trong chiến lược truyền thông thay vì đánh giá chất lượng bài giảng kém thu hút. *Hai là*, trung bình mỗi người sử dụng sẽ xem bài giảng khoảng 14.3 lần với thời gian trung bình là 7.7 phút phù hợp với độ dài của bài giảng (8-12 phút). Chúng hàm ý về độ tập trung và tham gia của người sử dụng tới khóa học. Mức độ duy trì về lượt xem, số người sử dụng và tổng số giờ cũng chứng tỏ mức độ cam kết với khóa học ở mức độ tương đối cao. Sự suy giảm nhanh chóng về cả số lượt xem, người sử dụng và số giờ bài giảng 3 có thể đến từ nội dung bài giảng thiếu thiết thực với nhu cầu của học viên kéo theo sự suy giảm trong bài 4. *Ba là*, mặc dù thời gian khảo sát tương đối ngắn và bài giảng có tính hàn lâm nhưng số lượng tương tác của học viên được xem là thành công.

**Bảng 1: Số lượt tương tác khóa học giới thiệu về dạy học kết hợp**

Bài	Nội dung	Số lượt xem	Số người sử dụng	Tổng số giờ
1	Dạy và học kết hợp là gì? Nội dung và thách thức.	377	25	3 giờ 29 phút
2	Năng lực số trong dạy học kết hợp	318	22	1 giờ 59 phút
3	Quy trình thiết kế khóa học kết hợp	167	14	2 giờ 5 phút
4	Đánh giá và cải tiến khóa học	223	16	2 giờ 16 phút

### 2.2.2. Yếu tố thứ hai: Khả năng tiếp thu kiến thức

Để đánh giá được khả năng tiếp thu kiến thức hiệu quả của người sử dụng, kết quả các bài kiểm tra được trình bày tại Bảng 2 với các thông số liên quan đến số người tham gia, điểm trung bình/điểm tối đa, thời gian làm bài trung bình, điểm tối đa, điểm tối thiểu. Kết quả có một số điểm đáng chú ý. Theo đó, số người tham gia trả lời các bài kiểm tra thấp hơn đáng kể so với số người sử dụng (xem Bảng 2), hàm ý về tâm lý “sợ” các bài kiểm tra của học sinh/sinh viên. Mức độ hiểu bài của người tham gia trung bình đạt trên 65% chứng tỏ mức độ hiểu bài tương đối tốt, đặc biệt là một số bài lên đến hơn 93%. Thời gian làm bài trung bình khoảng 2-4 phút và gia tăng với những bài khó như bài 3 với điểm trung bình chỉ đạt mức 50%. Điều này cho thấy, mức độ thực tế trong làm các bài kiểm tra của học viên thay vì các dữ liệu được làm giả. Mặc dù số lượng người tham gia trả lời câu hỏi còn thấp, khó có thể thực hiện các phép suy

luyện cho tổng thể nhưng các số liệu cho thấy sự tương đối lạc quan trong khóa học kết hợp này.

**Bảng 2: Kết quả kiểm tra**

Bài kiểm tra số	Số người tham gia	Điểm trung bình/điểm tối đa	Thời gian làm bài trung bình	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1	18	71%	2 phút	10/10	0/10
2	9	77%	2.5 phút	70/70	20.83/70
3	11	50%	5 phút	70/70	10/70
4	5	90.1%	3 phút	10/10	8.57/10
5	6	91.7%	2 phút	10/10	7.5/10
6	6	73%	3.5 phút	70/70	11.67/70
7	8	79.7%	4 phút	100/100	51.5/100

**2.2.3. Yếu tố thứ ba: Mức độ hài lòng của học viên**

Để đánh giá mức độ hài lòng của học viên, chúng tôi thực hiện các cuộc phỏng vấn chuyên sâu sau kết thúc khảo sát để thăm dò ý kiến về chương trình dạy học kết hợp. Các ý kiến không có sự phản đối tiêu cực nào với khóa học. Hơn nữa, căn cứ trên các bằng chứng về thời gian làm bài gia tăng từ bài 5 đến 7 có thể thấy mức độ cam kết và hiểu bài của học viên có xu hướng gia tăng, qua đó phần nào phản ánh mức độ hài lòng của học viên. Dẫu vậy, tồn tại hai vấn đề trong đánh giá mức độ hài lòng đó là: mẫu khảo sát còn thấp và thiếu tính đại diện cho các khu vực khác ngoài Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Ngoài ra, việc khảo sát chuyên sâu theo nhóm theo hình thức phỏng vấn trực tiếp có thể khiến cho học viên không dám bày tỏ đúng quan điểm của họ về khóa học. Hệ quả là, kết quả chịu sự chi phối bởi người đặt câu hỏi hoặc do tâm lý đám đông.

**3. Kết luận**

Nghiên cứu này xem xét tương đối khái quát về hệ

thống lí thuyết và các thực nghiệm liên quan đến dạy học kết hợp, đặc biệt tập trung vào hình thức dạy học kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp. Một khoá học kết hợp đã được xây dựng (<https://qndhkh.edu.vn/login/index.php>) nhằm xem xét 3 yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng khoá học online bao gồm: 1/ Sự tham gia của học viên; 2/ Khả năng tiếp thu kiến thức; 3/ Mức độ hài lòng của học viên. Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy, mức độ tham gia cao và thực hiện cam kết khóa học tương đối chắc chắn. Mức độ hiểu bài trung bình khoảng 65% thông qua việc trả lời các câu hỏi sau các bài giảng khẳng định lí thuyết dạy học kết hợp tại các nghiên cứu trước đây [14]. Hơn nữa, mức độ hài lòng của sinh viên cũng được đảm bảo khi ít nhất không có các ý kiến phản hồi tiêu cực hoặc phản đối phương pháp khóa học.

Sự tham gia của học viên đóng vai trò quan trọng đối với kết quả khoá học, do đó trong quá trình xây dựng nội dung khóa học online cần lưu tâm đến tính tương tác của các học liệu, logic trình bày học liệu và đảm bảo người học hiểu rõ lí do vì sao cần phải thực hiện các nội dung học tập. Khả năng tiếp thu kiến thức thể hiện ở mức độ tập trung trong việc thực hiện các nhiệm vụ phức hợp. Khả năng tiếp thu kiến thức cũng là yếu tố quyết định chất lượng dạy học online. Để tăng mức độ hài lòng của người học đối với khoá học thì ngoài tăng tính tương tác của các học liệu cần đảm bảo các hoạt động phù hợp với trình độ người học và giúp ích cho người học.

Các phát hiện này hàm ý về sự phù hợp của các chương trình dạy học kết hợp trong giai đoạn tới khi kết hợp được tính linh hoạt và chủ động trong học trực tuyến với khả năng tương tác nhanh và hiệu quả của học trực tiếp. Tuy vậy, vì các vấn đề trao đổi với học viên và hạn chế trong mẫu khảo sát kết quả nghiên cứu có thể thiếu tính ngoại suy tới các mẫu lớn hơn. Do đó, các nghiên cứu sau có thể mở rộng quy mô áp dụng và lưu ý đến chức năng tiếp cận ý kiến trực tuyến của học viên tới khóa học để nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Graham, C. R, (2013), *Emerging practice and research in blended learning*, Handbook of distance education, 3, p.333-350.

[2] Henrie, C. R., Halverson, L. R., & Graham, C. R, (2015), *Measuring student engagement in technology-mediated learning: A review*, Computers & Education, 90, p.36-53.

[3] Drysdale, J. S., Graham, C. R., Spring, K. J., & Halverson, L. R, (2013), *An analysis of research trends in dissertations and theses studying blended learning*, The Internet and Higher Education, 17, 90-100.

[4] Picciano, A. G., Seaman, J., Shea, P., & Swan, K, (2012), *Examining the extent and nature of online learning in American K-12 education: The research initiatives of the Alfred P. Sloan Foundation*, The Internet and Higher Education, 15(2), p.127-135.

[5] Allen, I. E., & Seaman, J, (2013), *Changing course: Ten years of tracking online education in the United States*: ERIC.

[6] Garrison, D. R, (2016), *E-learning in the 21st century: A community of inquiry framework for research and practice*, Routledge.

[7] Moskal, P., Dziuban, C., & Hartman, J, (2013), *Blended learning: A dangerous idea?*, The Internet and Higher Education, 18, p.15-23.

[8] Oliver, M., & Trigwell, K, (2005), *Can 'blended*

- learning 'be redeemed?*, *E-learning and Digital Media*, 2(1), p.17-26.
- [9] Graham, C. R., (2009), *Blended learning models Encyclopedia of Information Science and Technology*, Second Edition, pp. 375-382, IGI Global.
- [10] Picciano, A., (2009), *Blending with purpose: The multimodal model*, *Journal of the Research Center for Educational Technology*, 5(1), p.4-14.
- [11] Sitzmann, T., Kraiger, K., Stewart, D., & Wisher, R., (2006), *The comparative effectiveness of web-based and classroom instruction: A meta-analysis*, *Personnel psychology*, 59(3), p.623-664.
- [12] Means, B., Toyama, Y., Murphy, R., Bakia, M., & Jones, K., (2009), *Evaluation of evidence-based practices in online learning: A meta-analysis and review of online learning studies*.
- [13] Hattie, J., (2008), *Visible learning: A synthesis of over 800 meta-analyses relating to achievement*: routledge.
- [14] Graham, C. R., (2018), *Current research in blended learning*, *Handbook of distance education*, 173-188.
- [15] Gikandi, J. W., Morrow, D., & Davis, N. E., (2011), *Online formative assessment in higher education: A review of the literature*, *Computers & Education*, 57(4), p.2333-2351.
- [16] Garrison, D. R., & Vaughan, N. D., (2008), *Blended learning in higher education: Framework, principles, and guidelines*, John Wiley & Sons.
- [17] Wlodkowski, R. J., & Ginsberg, M. B., (2017), *Enhancing adult motivation to learn: A comprehensive guide for teaching all adults*, John Wiley & Sons.
- [18] Rogers, P. C., Graham, C. R., & Mayes, C. T., (2007), *Cultural competence and instructional design: Exploration research into the delivery of online instruction cross-culturally*, *Educational Technology Research and Development*, 55(2), p.197-217.

## FACTORS AFFECTING THE EFFECTIVENESS OF THE ONLINE COURSE IN TRAINING PEDAGOGICAL STUDENTS ON “BLENDED LEARNING”

Nguyen Huyen Anh<sup>1</sup>, Le Thi Ngoc Diep<sup>2</sup>,  
Le Minh Hang<sup>3</sup>, Hoang Dieu Quynh<sup>4</sup>,  
Nguyen Van Bien<sup>5</sup>, Le Thi Phuong<sup>\*6</sup>

<sup>1</sup> Email: huyenanhnguyen138201@gmail.com

<sup>2</sup> Email: diepdiepxn@gmail.com

<sup>3</sup> Email: selenale201@gmail.com

<sup>4</sup> Email: hdq0806@gmail.com

<sup>5</sup> Email: biennv@hnue.edu.vn

Hanoi National University of Education  
136 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

\* Corresponding author

<sup>6</sup> Email: lethiphuong@vnu.edu.vn

VNU University of Education,  
Vietnam National University, Hanoi  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *Blended teaching is increasingly focused and developed in educational institutions, especially in higher education institutions in light of the effects of COVID-19. Blended learning includes online and face-to-face sessions. In particular, online lectures need to be planned and prepared much more carefully than face-to-face sessions, from building questions, structuring lectures to considering interactivity with students. This study directly develops a combined self-study course in order to: 1/ Consider the self-study needs of students; 2/ Assess the difficulties and advantages in the construction and implementation of the training course in practice; 3/ Evaluate users' satisfaction with the combined course. A total of 73 graduate and undergraduate students participated in the 4-week course. Accordingly, qualitative and quantitative data have been collected to evaluate the course quality and students' satisfaction, showing the feasibility of implementing the blended learning model with: 1/ The satisfaction of the students is at relatively high-level performance, 2/ The content has a high amount of interaction; 3/ The quality of lesson comprehension, as shown by the test results, is quite good.*

**KEYWORDS:** *Blended learning, online learning, face-to-face learning, effective teaching.*